

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG NÔ  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 32/2021/DS-ST

Ngày 07-9-2021.

V/v Tranh chấp chuyển giao  
nghĩa vụ dân sự

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Hiến; Ông Lê Khải.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun, cán bộ TAND huyện Krông Nô.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Thùy Dung, chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2021/TLST-DS, ngày 17/5/2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-DS, ngày 02/8/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 198/2021/QĐST-DS, ngày 24/8/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1982 – Có mặt.

Địa chỉ: thôn Đắc T, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Anh Lang Văn T, sinh năm 1988 – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lang Văn N, sinh năm 1970- Có mặt.

Địa chỉ: thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2021 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 13/5/2021), quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Trịnh Thị H trình bày:*

Do quen biết với nhau, bà Trịnh Thị H có cho ông Lang Văn N vay tiền, tính đến ngày 25/02/2020, ông Lang Văn N có nợ bà H số tiền nợ gốc là 134.000.000 đồng.

Do ông Lang Văn T có nhận chuyển nhượng của ông Lang Văn N thửa đất diện tích 6000 m<sup>2</sup> với số tiền 360.000.000 đồng, đã thanh toán được số tiền 226.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 134.000.000 đồng. Vì vậy giữa ông T và ông N thỏa thuận ông T sẽ viết giấy vay tiền cho bà H số tiền 134.000.000 đồng và có trách nhiệm thanh toán thay cho ông N, ông N sẽ giao bìa đỏ và làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông T. Vì vậy ông T đã viết giấy đề ngày 25/02/2020 với nội dung ông T vay số tiền 134.000.000 đồng, hạn ngày 25/3/2020 sẽ thanh toán, lãi suất theo quy định của Nhà nước.

Tại phiên tòa bà H yêu cầu ông Lang Văn T phải thanh toán số tiền nợ gốc là 134.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 0.83%/tháng, thời hạn tính lãi từ ngày 26/3/2020 đến cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Bà không yêu cầu ông N phải trả nợ cho bà H vì ông N đã chuyển giao quyền nghĩa vụ trả nợ cho ông T.

*Biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, bị đơn ông Lang Văn T trình bày:*

Năm 2020, ông T có đặt cọc mua của ông Lang Văn N thửa đất có diện tích 6000 m<sup>2</sup> với số tiền 360.000.000 đồng. Ông T đã đặt cọc cho ông N số tiền 226.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 134.000.000 đồng.

Ông T và ông N thỏa thuận số tiền còn lại là 134.000.000 đồng ông T sẽ thanh toán cho ông N khi ông N hoàn thành thủ tục chuyển nhượng và giao bìa đỏ, vì ông Lang Văn N có nợ của bà Trịnh Thị H số tiền 134.000.000 đồng nên các bên đã thống nhất ông T làm giấy vay tiền với bà H số tiền 134.000.000 đồng và ông T sẽ thanh toán số tiền 134.000.000 đồng cho bà H thay cho ông N khi ông N giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T. Tuy nhiên ông N đã vi phạm thỏa thuận không giao giấy tờ và làm thủ tục cho ông T theo đúng cam kết.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà H, ông T không đồng ý vì ông Lang Văn N là người nợ tiền của bà H vì vậy ông N có nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà H.

*Biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Lang Văn N trình bày:*

Vào năm 2020 ông N có nợ bà H số tiền 134.000.000 đồng, đồng thời ông N cũng nợ tiền mua bán phân của ông T, vì vậy giữa ông N, ông T và bà H có thỏa thuận với nhau, số tiền ông T còn lại là 134.000.000 đồng ông T sẽ thanh toán cho ông N khi ông N hoàn thành thủ tục chuyển nhượng và giao bìa đỏ, vì ông N có nợ của bà Trịnh Thị H số tiền 134.000.000 đồng nên các bên đã thống nhất ông T làm giấy vay tiền với bà H số tiền 134.000.000 đồng và ông T sẽ thanh toán số tiền 134.000.000 đồng cho bà H thay cho ông N khi ông N giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T. Tuy nhiên ông N đã vi phạm thỏa thuận không giao giấy tờ và làm thủ tục cho ông T theo đúng cam kết.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà H đối với ông T thì ông T có trách nhiệm thanh toán nợ cho bà H vì ông N đã chuyển giao nghĩa vụ trả nợ cho ông T, mặt khác ông T đã quản lý, thu hoạch diện tích 6000 m<sup>2</sup> từ khi nhận chuyển nhượng đến nay.

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:** Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn; Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71; Điều 72; Điều 73 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị H. Buộc ông Lang Văn T phải thanh toán số tiền nợ gốc 134.000.000 đồng và tiền lãi với mức 0.83%/tháng, kể từ ngày 26/3/2020 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Về các vấn đề khác đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà Trịnh Thị H khởi kiện yêu cầu ông Lang Văn T thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi theo giấy vay tiền đề ngày 25/02/2020, khi thụ lý vụ án Tòa án xác định là vụ án dân sự với quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án đã xác định ông Lang Văn N đã chuyển giao nghĩa vụ dân sự của mình cho ông Lang Văn T. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật là “Tranh chấp chuyển giao nghĩa vụ dân sự” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lang Văn T có địa chỉ tại thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Giấy vay tiền đề ngày 25/02/2020 được ký kết giữa bà H và ông T thể hiện thời hạn thanh toán là ngày 25/3/2020, đến hạn ông Lang Văn T không trả được theo đúng thỏa thuận. Do vậy không vi phạm thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Hợp đồng đặt cọc mua bán đất và tài sản gắn liền với đất ngày 25/02/2020 thể hiện ông Lang Văn T nhận chuyển nhượng của ông Lang Văn N thửa đất có diện tích

6000 m<sup>2</sup> với số tiền 360.000.000 đồng. Ông T đã đặt cọc cho ông N số tiền 226.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 134.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận số tiền còn lại là 134.000.000 đồng ông T sẽ thanh toán cho ông N khi ông N hoàn thành thủ tục chuyển nhượng và giao bì đồ, vì ông Lang Văn N có nợ của bà Trịnh Thị H số tiền 134.000.000 đồng nên các bên đã thống nhất ông T làm giấy vay tiền với bà H số tiền 134.000.000 đồng và ông T sẽ thanh toán số tiền 134.000.000 đồng cho bà H thay cho ông N khi ông N giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T.

Theo Giấy vay tiền đề ngày 25/02/2020 thể hiện ông T vay bà H số tiền 134.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn thanh toán, lãi suất, ông T có ký và viết tên “Lang Văn T” dưới phần người vay.

Điều 463 Bộ luật dân sự quy định : *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.”*

Điều 370 Bộ luật dân sự quy định: *“1. Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý, trừ trường hợp nghĩa vụ gắn liền với nhân thân của bên có nghĩa vụ hoặc pháp luật có quy định không được chuyển giao nghĩa vụ.*

*2. Khi được chuyển giao nghĩa vụ thì người thế nghĩa vụ trở thành bên có nghĩa vụ.”*

Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: *“2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh.”*

Như vậy từ tài liệu chứng cứ và lời khai của các đương sự thì ông T nhận nợ bà H số tiền 134.000.000 đồng thay cho ông N, do ông T không trả nợ theo thỏa thuận nên bà H khởi kiện yêu cầu ông T phải thanh toán nợ gốc, nợ lãi theo thỏa thuận. Hội đồng xét xử xét thấy việc ông T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích 6000 m<sup>2</sup> nằm trong quyền sử dụng đất thửa đất số 29, tờ bản đồ số 9, diện tích 10.800 m<sup>2</sup>, được Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô cấp ngày 28/9/2006 và ông T nhận nợ bà H số tiền 134.000.000 đồng thay cho ông N là sự thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện của ông T, bà H, ông N và phù hợp với quy định tại Điều 370 của Bộ luật dân sự 2015, do đó ông T phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà H. Việc ông T cho rằng ông N không thực hiện thủ tục chuyển nhượng và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T thì đó là quan hệ pháp luật về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T và ông N. Quá trình giải quyết ông T, ông N không có yêu cầu phản tố, không có yêu cầu độc lập nên không xem xét.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị H yêu cầu ông Lang Văn T có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc 134.000.000 đồng.

[2.2] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi.

Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: “5. *Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:*

*a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;*

*b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”*

Điều 470 Bộ luật dân sự quy định: “2. *Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản trước kỳ hạn, nhưng phải trả toàn bộ lãi theo kỳ hạn, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.”*

Điều 468 Bộ luật dân sự quy định: “...2. *Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”*

Hội đồng xét xử xét thấy, giấy viết bằng bút mực màu xanh có tựa đề “Giấy vay tiền” ngày 25/02/2020 thể hiện lãi suất theo quy định của Nhà nước. Tại đơn khởi kiện bà H yêu cầu ông T phải thanh toán mức lãi suất là 1,66%/tháng, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Trịnh Thị H yêu cầu ông Lang Văn T phải thanh toán số tiền nợ lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng, thời hạn tính tiền lãi từ ngày 26/3/2020 là có cơ sở.

Vì vậy số tiền lãi là: 134.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 17 tháng 12 ngày (Từ ngày 26/3/2020 đến ngày 07/9/2021) = 19.352.000 đồng.

Xét yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc, tiền nợ lãi của bà Trịnh Thị H, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên cần buộc ông Lang Văn T phải thanh toán số tiền nợ gốc 134.000.000 đồng và tiền lãi là 19.352.000 đồng.

Kể từ ngày 08/9/2021 cho đến khi thi hành xong, ông Lang Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận là 0.83%/tháng.

[3]. Về án phí: Căn cứ tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của NQ 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Lang Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 153.352.000 đồng x 5% = 7.668. 000 đồng (*Bảy triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng*). Ông Lang Văn T có nghĩa vụ nộp số tiền 7.668. 000 đồng (*Bảy triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô theo quy định

Hoàn trả bà Trịnh Thị H số tiền 4.157.000 đồng (*Bốn triệu một trăm năm mươi bảy nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà bà Trịnh Thị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số 0004159/BL-THA, ngày 13/5/2021.

[4]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 235; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 370; Điều 463, Điều 466; 468 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị H.

1. Buộc ông Lang Văn T phải thanh toán cho bà Trịnh Thị H tổng số tiền là 153.352.000 (*Một trăm năm mươi ba triệu ba trăm năm mươi hai nghìn đồng*) trong đó số tiền nợ gốc là 134.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi bốn triệu đồng*) và tiền lãi 19.352.000đ (*Mười chín triệu ba trăm năm mươi hai nghìn đồng*) tính đến ngày 07/9/2021.

Kể từ ngày 08/9/2021 cho đến khi thi hành xong, ông Lang Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận là 0.83%/tháng.

2. Về án phí: Ông Lang Văn T phải nộp số tiền 7.668. 000 đồng (*Bảy triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Hoàn trả bà Trịnh Thị H số tiền 4.157.000 đồng (*Bốn triệu một trăm năm mươi bảy nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà bà Trịnh Thị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số 0004159/BL-THA, ngày 13/5/2021.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Noi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- CCTHADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ Tọa phiên toà**

*(đã ký và đóng dấu)*

**Võ Thị Nhi**